

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 06-9-2023

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mây

Các Thẩm phán: Ông Ngôn Ngọc Viên

Bà Nguyễn Thị Như

- Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 76/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thái S - sinh năm 1956;

Địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ngô Thị H - sinh năm 1978;

Địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Phùng Thị U – VPLS Nguyễn Đình . Địa chỉ: SN D, tổ A, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Văn T - sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ G, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt)

2. Lê Văn C

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ngô Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Thái S trình bày:

Tôi và bà Ngô Thị H kết hôn với nhau vào năm 2006, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D (nay là phường D), thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 24/4/2009.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi có kết giao với một số bạn bè ở xa và thường tổ chức đi chơi dài ngày. Mâu thuẫn càng nhiều thì vợ tôi đi chơi càng nhiều. Khi mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi chửi nhau nhưng không có xô sát hay đánh đập gì. Mâu thuẫn vợ chồng tôi đã xảy ra từ lâu, đã đến mức độ rất trầm trọng. Tại tòa tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn.

Về con chung ông S trình bày: trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Huy H1 - sinh ngày 05/8/2009 (giới tính: nam). Khi ly hôn ông S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên. Không đặt ra vấn đề đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa ông S nhất trí con chung sẽ giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông S có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Ông S trình bày có 02 ngôi nhà chung:

+ Ngôi nhà thứ nhất là ngôi nhà cấp 4 được xây dựng trên phần đất do bố mẹ đẻ của bà H cho vào năm 2006, một ngôi nhà 60m², bếp và vệ sinh 30m² được dựng trên thửa đất 130,7m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2014, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thái S và Ngô Thị H có địa chỉ tại tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Nguồn gốc tiền để xây dựng nên ngôi nhà trên là do phần tiền tiết kiệm của hai vợ chồng và khoản vay mượn bên ngoài. Về giá trị ngôi nhà tại thời điểm hiện tại: 96 triệu đồng, Tổng cả giá trị nhà và đất là 746 triệu đồng.

+ Ngôi nhà thứ hai nằm ở tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ngôi nhà được xây dựng vào năm 2013, nhà ba tầng trong đó có một tầng âm, một tầng trệt và một tầng nổi, diện tích xây dựng là 72,6m² trên phần đất 130m². Đất hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về nguồn gốc đất là đất mua, hợp đồng mua bán bản viết tay có tên cả hai vợ chồng tôi là Nguyễn Thái S và Ngô Thị H. Hợp đồng mua bán đất không được xác thực bởi cơ quan chính

quyền và công chứng. Đất này được mua từ ông Lê Văn C, hiện đang ở tại Đ, cụ thể chi tiết ở đâu thì tôi không rõ, tôi sẽ có trách nhiệm cung cấp chi tiết cho tòa án biết sau.

Về tiền mua đất là do bản thân tôi tự bán tài sản riêng của tôi tại tổ A, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Bán tài sản được 130 triệu đồng, số tiền mua đất với ông Lê Văn C là 140 triệu đồng, đã trả trước 130 triệu đồng, khi nào làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sẽ trả tiếp 10 triệu đồng còn lại. Tuy nhiên đến hiện nay chưa làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó số tiền 10 triệu tôi chưa trả cho ông C.

Về nguồn gốc số tiền hình thành xây nên ngôi nhà là của hai vợ chồng.

Đối với ngôi nhà này về phần đất là do tôi bỏ ra nên tôi sẽ nhận quản lý và sử dụng phần đất và ngôi nhà này. Về giá trị ngôi nhà yêu cầu được xem xét chia đôi. Về giá trị ngôi nhà tại thời điểm hiện tại là 475 triệu đồng.

Ngoài ra chúng tôi còn có các tài sản khác sau:

+ Một chiếc xe ô tô biển số 11A – 038.25, Kia C, xe được mua mới cuối năm 2018. Giấy chứng nhận xe đứng tên Ngô Thị H. Về nguồn gốc tiền mua xe là công sức đóng góp của cả hai vợ chồng.

+ Một xe máy Lead màu đen mua năm 2016 biển kiểm soát 11X - 075.75 giá trị hiện nay là khoảng 20 triệu đồng

+ Một xe máy Vision màu trắng biển kiểm soát 11B1 - 295.61 mua lại năm 2020 số tiền 25.000.000đ (hai mươi năm triệu đồng). Hiện nay giá trị còn lại khoảng 20 triệu đồng.

+ Một máy giặt Panasonic cửa ngang trị giá 8 triệu đồng

+ Một tủ lạnh SamSung trị giá 8 triệu đồng

Ngoài ra còn các vật dụng sinh hoạt gia đình khác tôi không yêu cầu xem xét, bà H muốn lấy gì thì lấy.

- Tại Bản tự khai ngày 12/4/2021 và Biên bản hòa giải bà Ngô Thị H trình bày: Về thời gian điều kiện kết hôn như ông S trình bày là đúng, tôi không bổ sung gì thêm. Về quá trình chung sống vợ chồng như ông S trình bày chỉ đúng một phần. Tôi có bổ sung thêm về nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do tôi ốm đau, bệnh tật nhiều, làm ăn không suôn sẻ, chồng không thông cảm, còn đập phá đồ đạc và còn định đánh tôi. Vợ chồng tôi đã có lần cãi cọ và có xô sát, chồng tôi đã đập phá một chiếc xe máy và 01 chiếc tivi, còn cầm cái gạt tạt thuốc lá bằng gỗ đập vào đầu tôi. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được anh em họ hàng, bạn bè góp ý khuyên giải và cũng chưa nhờ cơ quan đoàn thể nào hòa giải lần nào. Tại Tòa tôi xác nhận tình cảm vợ chồng không còn. Tôi nhất trí ly hôn.

Về con chung bà H xác nhận và trình bày: trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huy H1 - sinh ngày 05/8/2009 (giới tính:

nam). Trường hợp ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên, bà H yêu cầu ông S có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng cho đến khi con chung thành niên. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H và ông S thống nhất về con chung sẽ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông S có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung:

- Bà H trình bày:

Về nhà và đất như bên phía ông S trình bày, tôi đồng ý với ngôi nhà thứ nhất về nguồn gốc đất và tiền xây dựng nên ngôi nhà; đối với ngôi nhà thứ 2 tiền mua đất tôi không đồng ý như ông S trình bày vì tiền mua đất là do tôi tự làm ra trong quá trình hôn nhân chứ không phải là tiền ông S bán đất mà có; Về tiền xây dựng nên ngôi nhà là công sức đóng góp chung của cả hai vợ chồng. Những tài sản khác như xe máy Lead, tủ lạnh, máy giặt như ông S đưa ra thì tôi nhất trí. Đối với chiếc xe máy Vision không phải là tài sản của hai vợ chồng mà là xe của em trai của tôi nên tôi không nhất trí chia đôi chiếc xe này. Đối với chiếc ô tô do tôi mua và tôi tự trả góp nhưng do làm ăn thua lỗ nên nay đã bán, xe bán qua người trung gian nên tôi không biết người mua tên gì ở đâu, khi tôi bán giá trị chiếc xe là 490 triệu đồng. Về thời gian mua chiếc xe này là mua vào năm 2016 chứ không phải năm 2018 như ông S trình bày. Đối với chiếc xe ô tô, đã bán nên tôi không yêu cầu xem xét chia tài sản này, số tiền bán được xe tôi đã trang trải cho việc thanh toán nợ chung của vợ chồng do trong thời kì hôn nhân tôi kinh doanh mĩ phẩm, mở quán cafe, đồ ăn uống bị thua lỗ.

- Đối với ngôi nhà thứ nhất: Về giá trị tôi không nhất trí với giá trị của ông S đã đưa ra, theo tôi giá trị chỉ khoảng 350 triệu đồng

- Đối với ngôi nhà thứ hai: Về giá trị ngôi nhà tôi không biết giá trị cụ thể là bao nhiêu, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung, nợ riêng:

+ Ông S trình bày: Chúng tôi có một khoản nợ chung ở Ngân hàng T1 khi vay là 200 triệu đồng, hiện nay còn khoảng 30 triệu đồng, tôi sẽ cung cấp số tiền cụ thể sau. Ngoài ra không còn khoản nợ nào khác. Tại thời điểm xét xử ông S xác nhận đã trả hết khoản nợ ngân hàng và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

+ Bà H trình bày: Nợ chung chúng tôi còn khoản nợ hơn 1 tỉ đồng, tôi vay bạn tôi để kinh doanh mĩ phẩm và quán cafe ăn uống, việc vay mượn có được viết giấy viết tay với nhau, không có chữ kí của ông S. (Vay bà Dương Ngọc A, tổng cộng 600 triệu đồng, chia làm hai lần vay, một lần 500 triệu đồng, một lần 100 triệu đồng; vay của bà Chu Hương L số tiền 650 triệu đồng; vay của bố đẻ tôi số

tiền 160 triệu đồng; vay của hội phụ nữ 70 triệu đồng).

Ngày 25/4/2022 Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của ông S và bà H về tình trạng hôn nhân giữa ông bà. Qua việc xác minh được biết: ông S và bà H chưa nhờ đến tổ dân phố và chính quyền địa phương can thiệp hòa giải lần nào. Do đó, về mâu thuẫn giữa ông S và bà H tổ dân phố không nắm được.

Tòa án đã tiến hành thủ tục hỏi ý kiến của con chưa thành niên cháu Nguyễn Huy H1 là con chung của ông S và bà H để xem xét về tâm tư nguyện vọng của cháu H1 sẽ sống chung với ai trong trường hợp bố mẹ phải ly hôn. Cháu H1 có nguyện vọng được sinh sống trực tiếp cùng mẹ.

- Tại bản tự khai của ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông với ông Nguyễn Thái S và bà Ngô Thị H không có mối quan hệ quen biết gì. Ông có được mua với bà Ngô Thị H một xe ô tô KIA biển kiểm soát 11A – 028.35 với giá là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), việc mua bán có lập hợp đồng mua bán với nhau vào 06/02/2020.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13/12/2021 đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, ông Cao trình b: Về mối quan hệ giữa ông Lê Văn C với bà Ngô Thị H và ông Nguyễn Thái S chỉ là quen biết, không thân thiết. Ông C có được bán cho ông S và bà H một thửa đất với diện tích là 50m² tại phường D, thành phố C với giá 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng), số tiền ông S và bà H đã thanh toán hết cho ông C, hiện nay không còn nợ 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) như ông S đã trình bày. Việc mua bán giữa các bên không được lập thành văn bản theo quy định của pháp luật mà chỉ trao đổi bằng miệng với nhau qua điện thoại. Giữa ông C với ông S và bà H không có tranh chấp với nhau về hợp đồng mua bán đất đai. Ông C không yêu cầu tham gia tố tụng tại tòa án, đề nghị xét xử vắng mặt.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thái S và bà Ngô Thị H.

Xử: Ông Nguyễn Thái S được ly hôn với bà Ngô Thị H.

2. *Về nuôi con chung*: Xử giao con chung Nguyễn Huy Hoàng - sinh ngày 05/8/2009 (giới tính: nam) cho bà Ngô Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên; Ông S có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc thăm nom con sau khi ly hôn: sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về chia tài sản chung*:

- Ông Nguyễn Thái S được quyền quản lý và sử dụng ngôi nhà xây 3 tầng được dựng trên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 34 (địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), trị giá ngôi nhà là: 904.237.650 đồng (chín trăm linh bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

- Bà Ngô Thị H được quyền quản lý và sử dụng một nhà xây cấp 4 dựng trên thửa đất số 40b, tờ bản đồ số 10, diện tích 130,7 m² (trong đó: đất ở là 50m², đất trồng cây hàng năm khác: 80,7m²); địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng đã được UBND thành phố C GCN QSD đất số BQ 924536 ngày 15/8/2014 mang tên Nguyễn Thái S, Ngô Thị H. Trị giá nhà và đất là: 437.744.086 đồng.

Bà Ngô Thị H được quyền sở hữu số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) mà bà H đã bán chiếc xe ô tô biển số 11A – 038.25, Kia C1.

Bà H phải có trách nhiệm thanh toán khoản tiền chênh lệch tài sản cho ông S là: 16.750.218 đồng.

- Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 10 năm 2022, bị đơn Ngô Thị H có đơn kháng cáo không nhất trí với bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Ngô Thị H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp Luật sư Phùng Thị Ư trình bày: Giữ nguyên nội dung kháng cáo về phần chia tài sản.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Crato biển số 11A — 038.25 được xác định là tài sản chung và chia đôi giá trị trong khi bà H đã bán xe trước khi ông S có đơn xin ly hôn. Tại cấp sơ thẩm bà H trình bày chiếc xe do bà H vay ngân hàng để mua

trả góp, sau đó vì làm ăn thua lỗ nên bán xe để trả nợ, chưa được cấp sơ thẩm xem xét, thu thập chứng cứ và đánh giá đầy đủ.

Giao quyền quản lý và sử dụng ngôi nhà xây 3 tầng được dựng trên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 34 (địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), trị giá ngôi nhà là 904.237.650 đồng cho ông S trong khi chưa xem xét đánh giá trị giá đất cũng như xác định quyền sử dụng đối với thửa đất là chưa giải quyết triệt để.

Việc giải quyết về phần tài sản như vậy chưa đảm bảo quyền lợi cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bà H; Hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng để xem xét, giải quyết lại phần chia tài sản.

Nguyên đơn Nguyễn Thái S không nhất trí với kháng cáo của bà H, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định chiếc xe ô tô Kia Crato biển số 11A — 038.25 là tài sản chung và chia đôi giá trị trong khi bà H đã bán xe trước khi ông S có đơn xin ly hôn. Chưa thu thập và đánh giá chứng cứ đầy đủ việc bà H vay ngân hàng để mua xe trả góp, sau đó vì làm ăn thua lỗ nên bán xe để trả nợ ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H.

Giao quyền quản lý và sử dụng ngôi nhà xây 3 tầng được dựng trên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 34 (địa chỉ: Tổ B, phường D, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), trị giá ngôi nhà là 904.237.650 đồng cho ông S trong khi chưa xem xét đánh giá trị giá đất cũng như xác định quyền sử dụng đối với thửa đất là chưa giải quyết triệt để.

Việc giải quyết về phần tài sản như vậy chưa đảm bảo quyền lợi cho bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận đơn kháng cáo của bà H; Hủy một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng để xem xét, giải quyết lại phần chia tài sản.

Sau khi xem xét đơn kháng cáo; tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết, thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn Nguyễn Thái S và bị đơn Ngô Thị H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo của bị đơn Ngô Thị H trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

[2] Xét kháng cáo và căn cứ kháng cáo của bị đơn Ngô Thị H:

Tại đơn kháng cáo, bị đơn Ngô Thị H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không đưa chiếc xe ô tô KIA vào việc chia tài sản chung, yêu cầu Tòa án giao căn nhà số A cho bà H được quản lý, sử dụng, yêu cầu giao căn nhà số A cho ông S quản lý, sử dụng.

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án chỉ xem xét đến nhà và tài sản gắn liền với đất, chưa xem xét đến phần đất nhưng lại tuyên giao cho đương sự được quyền quản lý, sử dụng nhà và tài sản là không triệt để, không đảm bảo quy định pháp luật, do đó cần hủy phần chia tài sản đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án với thành phần hội đồng xét xử khác theo đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục dân sự sơ thẩm.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX phúc thẩm nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn Ngô Thị H.

Hủy phần chia tài sản chung đối với bản án dân sự sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”*.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng giải quyết lại vụ án theo thủ tục dân sự sơ thẩm với thành phần hội đồng xét xử khác.

Những nội dung khác tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 108/2022/HNGĐ-ST ngày 25/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Bị đơn Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bà Ngô Thị H được trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0003241 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xác định lại khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- CCTHA TP CB;
- TAND TP CB;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Doanh Thị Mây